

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN TRẦN ĐỀ
TỈNH SÓC TRĂNG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 45/2020/HNGĐ-ST.

Ngày: 15 – 9 – 2020

“V/v Ly hôn và tranh chấp nuôi con khi ly
hôn”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN TRẦN ĐỀ, TỈNH SÓC TRĂNG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Hoàng.

Các Hội thẩm nhân dân:

1/ Ông Trần Hồng Ứng.

2/ Ông Trần Hoàng Việt.

- Thư ký phiên tòa: Bà Lý Thị Qual - Cán bộ Tòa án nhân dân huyện Trần Đề, tỉnh Sóc Trăng.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Trần Đề tham gia phiên tòa: Ông Trần Văn Hường, Kiểm sát viên.

Ngày 15 tháng 9 năm 2020, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Trần Đề, tỉnh Sóc Trăng, tiến hành xét xử sơ thẩm công khai vụ án Hôn nhân và Gia đình thụ lý số: 261/2019/TLST- HNGĐ ngày 16 tháng 12 năm 2019 về việc “Ly hôn và tranh chấp nuôi con khi ly hôn”. Theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 38/2020/QĐXXST-HNGĐ ngày 17 tháng 8 năm 2020, giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Ông Nguyễn Văn T, sinh năm 1976 (Có mặt).

Địa chỉ: Ấp G, thị trấn T, huyện T, tỉnh S.

Bị đơn: Bà Sơn Thị Đ, sinh năm 1977 (Vắng mặt).

Địa chỉ: Ấp B, xã L, huyện T, tỉnh S.

NỘI DUNG VỤ ÁN

Theo đơn khởi kiện và lời khai tại Tòa án, nguyên đơn ông Nguyễn Văn T trình bày:

Ông Nguyễn Văn T với bà Sơn Thị Đ kết hôn với nhau vào năm 1999. Có đăng ký kết hôn và được Ủy ban nhân dân xã L, huyện L (nay là huyện T), tỉnh S cấp Giấy chứng nhận kết hôn số 33 ngày 24/12/1999. Sau khi kết hôn vợ chồng về sống tại ấp G, thị trấn T, thời gian đầu hai người sống hạnh phúc. Đến năm 2019 thì phát sinh mâu thuẫn, thường xuyên cãi vã, bất đồng quan điểm. Bà Đ bỏ về nhà cha mẹ ruột sinh sống tại ấp B, xã L. Hai người ly thân từ tháng 01 năm 2019 đến nay.

Trong quá trình chung sống ông T với bà Đ có ba con chung: 1/ Nguyễn Thị Anh T1, sinh ngày 01/11/2000; 2/ Nguyễn Anh K, sinh ngày 06/9/2004; 3/ Nguyễn Khánh B, sinh ngày 10/7/2015. Hiện các con đang sống cùng mẹ.

Về tài sản chung, nợ chung: Không có.

Nay ông T yêu cầu Tòa án giải quyết như sau:

- Về hôn nhân: Yêu cầu được ly hôn với bà Sơn Thị Đ.

- Về con chung: Giao hai con cho bà Đ trực tiếp nuôi dưỡng. Ông T cấp dưỡng mỗi đứa con 800.000đ/tháng đến khi con đủ 18 tuổi. Riêng Nguyễn Thị Anh T1, sinh ngày 01/11/2000 đã thành niên, có khả năng lao động nuôi sống bản thân nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Về tài sản chung và nợ chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại biên bản ghi lời khai ngày 05 tháng 02 năm 2020, bị đơn bà Sơn Thị Đ trình bày:

Về tình trạng hôn nhân, con chung là đúng. Còn nguyên nhân mâu thuẫn là do ông T từ năm 2015 có quan hệ với người phụ nữ khác dẫn đến cuộc sống vợ chồng không còn hạnh phúc, thời gian kéo dài đến tháng 01/2019 thì mâu thuẫn trầm trọng hai người không còn sống chung từ thời gian đó. Về hôn nhân: Bà Đ không đồng ý ly hôn. Về tài sản chung: Có một căn nhà cấp 4, tọa lạc tại ấp G, thị trấn T, huyện T, tỉnh S. Trị giá nhà và đất khoảng 200.000.000đ. Nếu ly hôn bà Đ sẽ nhận nhà, đất và trả cho ông T 100.000.000đ. Về nợ chung: Có nợ bà Đinh Thị L ở ấp B, xã L, huyện T 50.000.000đ. Nếu ly hôn bà Đ yêu cầu chia đôi số nợ trên.

Ý kiến của đại diện Viện kiểm sát tham gia phiên tòa:

Về tố tụng: Từ khi thụ lý vụ án đến khi khai mạc phiên tòa sơ thẩm, Thẩm phán, Thư ký đã tiến hành đúng, đầy đủ các thủ tục tố tụng theo quy định. Tại phiên tòa sơ thẩm, Hội đồng xét xử đã thực hiện đúng quy định pháp luật.

Về nội dung: Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn. Về hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu của ông Nguyễn Văn T ly hôn với bà Sơn Thị Đ. Về con chung: Giao hai con chưa thành niên cho bà Đ trực tiếp nuôi dưỡng và giáo dục, ghi nhận sự tự nguyện của ông T cấp dưỡng nuôi con mỗi cháu 800.000đ/tháng đến khi con đủ 18 tuổi. Riêng Nguyễn Thị Anh T1 đã thành niên, có khả năng lao động nuôi sống bản thân nên không đặt ra giải quyết. Về tài sản chung, nợ chung: Các đương sự không yêu cầu nên không xem xét, giải quyết.

NHẬN ĐỊNH CỦA TOÀ ÁN

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa, căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng: Tại phiên tòa hôm nay bà Sơn Thị Đ mặc dù đã được tổng đạt giấy triệu tập hợp lệ lần thứ 2 nhưng vắng mặt không rõ lý do. Do đó Tòa án căn cứ vào điểm b khoản 2 Điều 227 Bộ luật tố tụng dân sự Tòa án xét xử vắng mặt đối với bà Đ.

[2] Về quan hệ hôn nhân: Quan hệ hôn nhân giữa ông T với bà Đ là hôn nhân hợp pháp (hai người có đăng ký kết hôn). Trước khi kết hôn hai người có tìm hiểu nhau trước, kết hôn trên cơ sở tự nguyện, không bị ép buộc. Thời gian đầu chung sống hạnh phúc nhưng đến năm 2019, thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân do cuộc sống vợ chồng không hạnh phúc, bà Đ cho rằng ông T có người phụ nữ khác làm cho cuộc sống vợ chồng không còn hạnh phúc. Điểm khởi đầu là đến tháng 01/2019 hai người ly thân với nhau. Xét thấy, thời gian ly thân vợ chồng không ai tới lui, chăm sóc nhau người nào chỉ biết bốn phận người đó nên xét thấy tình trạng hôn nhân của hai

người đã mâu thuẫn trầm trọng, tại Tòa ông T cương quyết yêu cầu được ly hôn. Xét thấy tình trạng hôn nhân của hai người đã mâu thuẫn trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Do đó ông T yêu cầu được ly hôn với bà Đ là có căn cứ được quy định tại Điều 56 Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014.

[3] Về con chung: Ông T đồng ý giao hai con Nguyễn Anh K, sinh ngày 06/9/2004 và Nguyễn Khánh B, sinh ngày 10/7/2015 cho bà Đ trực tiếp nuôi dưỡng. Ông T cấp dưỡng mỗi cháu 800.000đ/tháng đến khi con đủ 18 tuổi. Riêng Nguyễn Thị Anh T1, sinh ngày 01/11/2000 đã thành niên, có khả năng lao động nuôi sống bản thân nên không yêu cầu Tòa án giải quyết. Con cũng có nguyện vọng sống với mẹ và bà Đ cũng đồng ý với yêu cầu này của ông T. Vì vậy yêu cầu này là có căn cứ được quy định tại Điều 81 Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014. Sau khi ly hôn, người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở. Người không trực tiếp nuôi con lạm dụng thăm nom để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con thì người trực tiếp nuôi con có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế quyền thăm nom con của người đó. Vì quyền lợi hợp pháp của con, Tòa án có thể thay đổi người nuôi con, giải quyết việc cấp dưỡng cho con theo quy định tại Điều 82, 83 Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014.

[4] Về tài sản chung và nợ chung: Ông T trình bày không có. Nhưng bà Đ thì cho rằng có một căn nhà cấp 4, tọa lạc tại ấp G, thị trấn T, huyện T, tỉnh S. Trị giá nhà và đất khoảng 200.000.000đ. Bà Đ nhận nhà, đất và trả cho ông T 100.000.000đ. Về nợ chung: Có nợ bà Đinh Thị L ở ấp B, xã L, huyện T 50.000.000đ. Bà Đ yêu cầu chia đôi số nợ trên. Qua lời trình bày của bà Đ, Hội đồng xét xử xét thấy: Phần đất không phải do hai vợ chồng đứng tên mà do bà Huỳnh Thị P là chị một cha khác mẹ với ông T đứng tên quyền sử dụng đất. Còn căn nhà là do cha của ông T (cụ Huỳnh Văn Tơ chết năm 2016) bỏ tiền ra cất vào năm 2010. Tại Thông báo số 633/TB-TA ngày 05/6/2020 của Tòa án nhân dân huyện T yêu cầu bà Đ làm đơn yêu cầu cụ thể kèm theo các tài liệu, chứng cứ để chứng minh tài sản trên là tài sản chung của vợ chồng gửi cho Tòa án (bà Đ không thực hiện quyền và nghĩa vụ tố tụng của mình). Đối với nợ chung, tại Thông báo số 634/TB-TA ngày 05/6/2020 của Tòa án nhân dân huyện T yêu cầu bà Đinh Thị L làm đơn yêu cầu cụ thể kèm theo các tài liệu, chứng cứ để chứng minh vợ chồng ông T, bà Đ có nợ gửi cho Tòa án (bà L không thực hiện quyền và nghĩa vụ tố tụng của mình). Do đó Tòa án không có căn cứ để giải quyết về tài sản chung và nợ chung theo lời trình bày của bà Sơn Thị Đ.

[5] Về án phí dân sự sơ thẩm: Do ông T yêu cầu nên ông T phải chịu theo luật định.

[6] Ý kiến của Kiểm sát viên tham gia phiên tòa về nội dung vụ án là có cơ sở nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

Vì các lý trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Áp dụng Điều 56; Điều 81; Điều 82; Điều 83 Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội qui định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

- Về hôn nhân: Ông Nguyễn Văn T được quyền ly hôn với bà Sơn Thị Đ.
- Về con chung: Giao hai cháu Nguyễn Anh K, sinh ngày 06/9/2004 và Nguyễn Khánh B, sinh ngày 10/7/2015 cho bà Sơn Thị Đ trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng và giáo dục. Ông T cấp dưỡng mỗi đứa con 800.000đ/tháng đến khi các con đủ 18 tuổi. Thời gian cấp dưỡng được tính từ ngày 15/9/2020. Riêng Nguyễn Thị Anh T1, sinh ngày 01/11/2000 đã thành niên, có khả năng lao động nuôi sống bản thân nên không đặt ra xem xét, giải quyết. Ông T có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở. Trường hợp ông T lạm dụng việc thăm nom con để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con thì bà Đ có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế quyền thăm nom con của ông T. Vì quyền lợi hợp pháp của con, Tòa án có thể thay đổi người nuôi con, giải quyết việc cấp dưỡng cho con theo quy định của pháp luật.

- Về tài sản chung và nợ chung: Các đương sự không yêu cầu nên không đặt ra xem xét, giải quyết.

- Về án phí dân sự sơ thẩm: Nguyên đơn ông Nguyễn Văn T phải chịu 300.000 đồng tiền án Hôn nhân và 300.000đ tiền án phí cấp dưỡng. Tổng cộng là 600.000đ (Sáu trăm nghìn đồng) nhưng được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng) theo biên lai thu số AA/2017/0001958 ngày 13/12/2019 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện T, tỉnh Sóc Trăng. Như vậy ông T phải nộp thêm số tiền án phí là 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng).

Án sơ thẩm được xét xử công khai báo cho ông T biết có quyền làm đơn kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Riêng bị đơn bà Đ được tính từ ngày nhận được bản án hoặc được niêm yết.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- VKSND huyện T;
- Chi cục THA huyện T;
- TAND tỉnh S (P.KTNV&THA);
- Các đương sự.
- UBND xã L, huyện T;
- Lưu HSVA.

T.M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

(Đã ký)

Nguyễn Hoàng